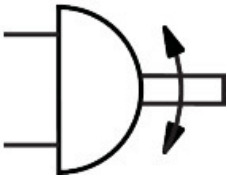


# Bộ truyền động xoay DRVS-12-180-P-EX4

Số bộ phận: 2536488

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                               |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                      | 12                                                                                                    |
| Góc giảm âm                                     | 0.5 °                                                                                                 |
| Góc xoay                                        | 0 °...180 °                                                                                           |
| Bán kính dừng cho phép                          | 15 mm                                                                                                 |
| Đệm                                             | Các vòng / tấm đệm đàn hồi ở cả hai đầu                                                               |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kì                                                                                                |
| Nguyên tắc vận hành                             | tác động kép                                                                                          |
| Cấu trúc xây dựng                               | Cánh xoay                                                                                             |
| Phát hiện vị trí                                | cho các công tắc gần                                                                                  |
| Các biến thể                                    | Ngõng trực                                                                                            |
| Áp suất vận hành                                | 0.25 MPA...0.8 MPA<br>2.5 bar...8 bar                                                                 |
| Tần số xoay tối đa ở 0,6 MPA (6 bar, 87 psi)    | 3 Hz                                                                                                  |
| Độ chính xác lặp lại                            | 1 °                                                                                                   |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)             | theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)                                                              |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)           | theo quy định UK EX                                                                                   |
| Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu | EPL Db (GB)<br>EPL Gb (GB)                                                                            |
| Chống cháy nổ                                   | Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 1 (UKEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 21 (UKEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Danh mục ATEX Khí                               | II 2G                                                                                                 |
| Danh mục ATEX Bụi                               | II 2D                                                                                                 |
| Loại chống cháy nổ Khí                          | Ex h IIC T4 Gb X                                                                                      |
| Loại chống cháy nổ Bụi                          | Ex h IIIC T120°C Db X                                                                                 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài            | 0°C ≤ Ta ≤ +60°C                                                                                      |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                                  |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                                         |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                                              |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B2-L                                                                                        |

| Đặc tính                                          | Giá trị                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion               | Sản phẩm tương ứng với định nghĩa sản phẩm nội bộ của Festo để sử dụng trong sản xuất pin: Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, cáp, bộ kết nối và cuộn dây. |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                    | 0 °C...60 °C                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Lực tác động tối đa                               | 90 N                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Lực dọc trục tối đa                               | 20 N                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Lực hướng tâm tối đa                              | 25 N                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| Mô men xoắn lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 1 N m                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Mô-men quán tính khối lượng cho phép              | 0.005 kgm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                |
| trọng lượng sản phẩm                              | 152 g                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Kiểu gắn                                          | với ren trong                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Cổng nối khí nén                                  | M5                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Ghi chú vật liệu                                  | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Vật liệu trực truyền động                         | thép hợp kim không gỉ                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| Vật liệu của phốt                                 | TPE-U (PU)                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| Vật liệu vỏ                                       | Nhôm đúc áp lực, sơn                                                                                                                                                                                                                                                                  |